

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						444 874	250 558	160 489			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>30 126</u>	<u>26 194</u>	<u>3 932</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						27 205	26 194	1 011			
1		COALIMEX	08/10	1250/9	12/10	BN 0979	CỤC XỎ 1C	1 000	996	4	10/10	TD	GIA HẠN L3
2		DV VT QUẢNG NINH	10/10	06/10	17/10	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 000	988	12	12/10	TD	
3		V TRACO	12/10	08/10	19/10	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000	127	873	RÓT DỖ	TD	
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	08/10	1318/10		VIỆT THUẬN 169	CẨM 6A.1	19 500	19 396	104	11/10	HỘ LỖN	MỐN: 19.468,96
5		ĐẠM HÀ BẮC	08/10	1317/10	22/10	QN 4330	CẨM 4A.1	1 700	1 696	4	11/10	HỘ LỖN	MỐN: 1.678,92
6		ĐẠM NINH BÌNH	10/10	1323/10	25/10	NB 8519	CẨM 4A.1	3 005	2 990	15	11/10	HỘ LỖN	MỐN: 2.977,60
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						2 921		2 921			
1		TNV HẢI DƯƠNG	07/10	04/10	14/10	BN 2212	CỤC XỎ 1C	1 921		1 921		TD	
2		SX & TM UÔNG BÍ	09/10	05/10	15/10	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
3		SÔNG HỒNG	10/10	07/10	17/10	TNG 0889	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	
4		SÔNG HỒNG	11/10	1236/9	18/10	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L3
5		ĐẠM HÀ BẮC	12/10	1325/10	27/10	QN 4140	CẨM 4A.1	1 800		1 800		HỘ LỖN	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>187 600</u>	<u>131 508</u>	<u>56 092</u>			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						187 600	131 508	56 092			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1308/10		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.14	23 800	23 770	30	11/10	HỘ LỖN	TTHG: 8.971,14 - TTCO:14.799,01
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/10	1307/10		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 6A.1	23 300	23 130	170	10/10	HỘ LỖN	TTHG: 17.869,72 - KVCP: 5.260,14
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1305/10		QUANG VINH 188	CẨM 5B.14	19 200	16 891	2 309	DỖ	HỘ LỖN	TTHG: 11.200 - KDTCP: 8.000
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	07/10	1315/10		VIỆT THUẬN 235	CẨM 5A.14	22 750	18 576	4 174	DỖ	HỘ LỖN	TTCO: 9.768,57 - CLM: 9.000 - KDTCP: 4.000
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/10	1312/10		HPS-02	CẨM 6A.1	24 050	22 600	1 450	DỖ	HỘ LỖN	TTHG: 14.000 - KVCP: 10.050
6		ĐIỆN DUYÊN HẢI	10/10	1314-B/10		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 5B.14	26 000	3 300	22 700	DỖ	HỘ LỖN	TTHG: 13.000 - KDTCP: 13.000
7		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	08/10	1319/10		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.1	25 000	21 091	3 909	DỖ	HỘ LỖN	TTHG: 20.000 - KVCP: 5.000
8		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/10	1322/10		GOLDEN STAR	CẨM 6A.10	23 500	2 150	21 350	DỖ	HỘ LỖN	KDTCP: 8.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 5.500
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>											
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>48 514</u>	<u>32 620</u>	<u>15 894</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						35 757	32 620	3 137			
1		NINH BÌNH	10/10	291	17/10	HD - 3866	CẨM 7B	1 700	1 699	1	10/10	PT CB	CAO SƠN
2		NINH BÌNH	10/10	315	17/10	NB - 8254	CẨM 7B	2 750	2 730	20	11/10	PT CB	CAO SƠN
3		NINH BÌNH	10/10	291	17/10	NĐ - 3476	CẨM 7B	2 560	2 537	23	11/10	PT CB	CAO SƠN
4		COALIMEX	10/10	343	17/10	VTT 19	CẨM 7C	3 250	3 226	24	11/10	PT CB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
5		NINH BÌNH	12/10	397	19/10	HY - 0644	CẨM 7C	2 705	1 247	1 458	DỖ	PT CB	CAO SƠN
6		CP VT THUỶ	09/10	248B	16/10	NAM ANH 279	CẨM 8A	1 500	1 450	50	10/10	TD	ĐN - CS
7		CP ĐTTM&DV	09/10	274	16/10	THÀNH AN 45	CẨM 7B	1 920	1 910	10	10/10	TD	CAO SƠN - THAY TB 45/10
8		CP VT THUỶ	09/10	266	16/10	HD 2266	CẨM 8A	1 979	1 974	5	10/10	TD	CAO SƠN - THAY TB 1238/9
9		MIỀN NAM	09/10	1225/9	16/10	AN THÀNH 18	CẨM 8A	2 400	2 398	2	10/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
10		SÔNG HỒNG	09/10	25	16/10	BN - 1626	CỤC 1A	917	913	4	10/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
11		CP SX KD KS, DC CẢNG TNV HẢI DƯƠNG	10/10	287	17/10	BN - 1883	CẨM 8A	1 301	1 292	9	11/10	TD	ĐN - CS - THAY TB 1239/9
12		HẢI PHÒNG	11/10	361	18/10	BN 2625	CẨM 8A	900	881	19	11/10	TD	
13		CP SX KD KS, DC CẢNG TNV HẢI DƯƠNG	10/10	288	17/10	BN - 2096	CẨM 8A	1 585	1 574	11	11/10	TD	ĐN - CS - THAY TB 1239/9
14		SÔNG HỒNG	08/10	249	15/10	HD - 2056	CẨM 7C	1 290	1 282	8	12/10	TD	ĐN - CS
15		SÔNG HỒNG	08/10	244	15/10	BN - 1829	CẨM 7C	1 660	1 654	6	12/10	TD	ĐN - CS
16		NINH BÌNH	12/10	396	19/10	HY - 0697	CẨM 7C	2 910	2 886	24	12/10	TD	ĐN - CS
17		COALIMEX	11/10	362	18/10	BN - 1997	CẨM 8A	1 000	995	5	12/10	TD	ĐN - CS
18		XD CN MỎ	09/10	60	16/10	BN - 1718	CỤC 1B	1 500	993	507	DỖ	TD	ĐN - CS + CAO SƠN - GIA HẠN L1
19		SÔNG HỒNG	11/10	358	19/10	BN - 2936	CẨM 8A	1 930	978	952	DỖ	TD	ĐN - CS - THAY TB 1048/9
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>12 757</i>		<i>12 757</i>			
1		CP HÀNG HẢI VN	12/10	155	19/10	BN - 0962	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
2		CP ĐTTM&DV	12/10	168	19/10	BN - 0869	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
3		THANH HOÁ	07/10	179	13/10	BN - 2022	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - THAY TB 199/8
4		SÔNG HỒNG	10/10	314	17/10	BN - 2633	CẨM 7C	1 837		1 837		TD	ĐN - CS
5		CP ĐTTM&DV	11/10	359	18/10	BN - 1309	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - THAY TB 1222/9
6		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	11/10	360	18/10	BN - 2112	CẨM 7C	1 200		1 200		TD	ĐN - CS - THAY TB 123/9
7		HẢI PHÒNG	11/10	361	18/10	BN - 2625	CẨM 8A	900		900		TD	CAO SƠN
8		CP ĐTTM&DV	11/10	367	18/10	BN - 1468	CẨM 7C	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
9		CP ĐTTM&DV	11/10	368B	18/10	HD - 2528	CỤC 1A	1 200		1 200		TD	ĐN - CS
10		CP VT THUỶ	11/10	377	18/10	BN - 1135	CỤC 1A	910		910		TD	ĐN - CS
11		CẦU ĐUÔNG	12/10	399	19/10	BN - 2335	CẨM 8A	1 360		1 360		TD	ĐN - CS - THAY TB 1226/9
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>8 980</u>	<u>4 011</u>	<u>4 969</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>4 200</i>	<i>4 011</i>	<i>189</i>			
1		ĐIỆN LỰC ĐK		160/10		CỬA ÔNG 15	CẨM 5A.14	2 100	1 998	103	11/10		
2		ĐIỆN LỰC ĐK		162/10		CỬA ÔNG 10	CẨM 5A.14	2 100	2 013	87	12/10		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>4 780</i>		<i>4 780</i>			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		ĐIỆN PHẢ LAI	09/10	1320/10	24/10	TĐ 01-CHN	CẨM 5A.14	2 380		2 380			
2		ĐIỆN PHẢ LAI	10/10	1321-B/10	24/10	QN 1043	CẨM 5A.14	2 400		2 400			THAY 1321/10
IV		KHO CẢNG KM6						45 827	33 745	12 082			
		Tàu đã làm hàng						34 783	33 745	1 038			
1		XNK THAN VINACOMIN	08/10	241	15/10	PHÚC THUẬN 36	Cẩm 6a.1	2 820	2 816	4	10/10	CBPT	
2		KDT HẢI NAM NINH	09/10	263	16/10	BN 2699	Cẩm 5a.1	1 963	1 953	10	10/10	CBPT	
3		KDT MIỀN BẮC	09/10	265	16/10	ND 4349	Cẩm 5b.1	2 350	2 345	5	10/10	CBPT	
4		XNK THAN VINACOMIN	10/10	326	17/10	HP 4880	Cẩm 6a.1	1 180	1 172	8	11/10	CBPT	
5		XNK THAN VINACOMIN	10/10	334	17/10	QN 8265	Cẩm 6a.1	1 970	1 965	5	11/10	CBPT	
6		KDT HẢI PHÒNG	10/10	342	17/10	HP 5902	Cẩm 5a.1	1 450	1 443	7	11/10	CBPT	
7		KDT MIỀN BẮC	10/10	312	17/10	TB 1619	Cẩm 5b.1	2 600	2 596	4	11/10	CBPT	
8		XNK THAN VINACOMIN	11/10	363	18/10	QN 7345	Cẩm 5a.1	3 560	3 512	48	12/10	CBPT	
9		XNK THAN VINACOMIN	12/10	398	27/10	QN 8259	Cẩm 5b.1	1 690	1 684	6	12/10	CBPT	
10		XNK THAN VINACOMIN	12/10	388	27/10	BÌNH MINH 88	Cẩm 5b.1	3 100	2 314	786	DỖ	CBPT	
11		DV VT QUẢNG NINH	03/10	98	10/10	BN 1336	Cục 1b	1 000	979	21	10/10	TD	NGUỒN DH
12		XD CN MỎ - CN TCT ĐỒNG BẮC	10/10	306	17/10	BN 2128	Cục 1b	1 200	1 104	96	11/10	TD	NGUỒN QH
13		VTT VINACOMIN	10/10	311	17/10	BN 2115	Bùn 3c	1 500	1 492	8	11/10	TD	
14		THAN MIỀN NAM	08/10	222	15/10	TRUNG HIẾU 68	Cục 4a.2	1 400	1 391	9	10/10		
15		THAN MIỀN NAM	08/10	222	15/10	TRUNG HIẾU 68	Cẩm 5a.1	1 750	1 744	6	10/10		
16		ĐIỆN VĨNH TẤN 1 (VIỆT THUẬN 235-02)	09/10	163	19/10	CỬA ÔNG 18	Cẩm 6a.1	2 100	2 098	2	10/10		
17		THAN MIỀN NAM	10/10	335	17/10	STAR 01	Cục 4a.2	1 400	1 393	7	12/10		
18		THAN MIỀN NAM	10/10	335	17/10	STAR 01	Cẩm 5a.1	1 750	1 746	4	12/10		
		Tàu đã làm lệnh						11 044		11 044			
1		ĐIỆN VĨNH TẤN 1 (VIỆT THUẬN 235-02)	10/10	164	20/10	CẨM PHẢ 21	Cẩm 6a.1	3 860		3 860		CBPT	
2		SX & TM UỐNG BÍ	06/10	174	13/10	BN 1816	Cục 1b	1 100		1 100		TD	NGUỒN DH
3		VTT VINACOMIN	10/10	313	17/10	BN 2335	Đon 8a	1 020		1 020		TD	RÚT CV
4		KDT MIỀN BẮC	12/10	387	27/10	HP 5806	Cẩm 6a.1	5 064		5 064			
V		TÀU XUẤT KHẨU						78 000	22 480	52 520			
		Tàu đã làm hàng						25 000	22 480	2 520			
1		NHẬT BẢN	03/10	39/10/XK		MV DARYA GANGA	CẨM 3B.1	25 000	22 480	2 520	11/10		MỐN: 22.440
		Tàu đã làm lệnh						53 000		50 000			
1		INDONESIA	06/10	40/10/XK		MV CHANG NING 8	CỤC 5B.2	23 000		25 000			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]